

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUỲNH PHỤ  
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/DS-ST

Ngày 08-4-2025

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức- Thẩm phán Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Thế Cần.

Bà Phạm Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Vi- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Vũ Quỳnh Lam - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 110/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐHPT-ST ngày 20 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

**-Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP H1 (M2).

Địa chỉ: Số E, N, phường L, quận Đ, TP H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng L – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Đức Q – Tổng Giám đốc ngân hàng Q1.

Người được ủy quyền lại: Ông Hoàng Văn P- Giám đốc xử lý nợ cấp 1.

**-Bị đơn:** Anh Phạm Đăng M, sinh năm 1993;

**-Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1992.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã C, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

*(Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn; vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan)*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện được bổ sung bằng biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa ông Hoàng Văn P - đại diện nguyên đơn trình bày: Anh Phạm Đăng M và chị Trần Thị Thu H là vợ chồng. Ngày 04/11/2022 anh M đã ký hợp đồng tín dụng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế với Ngân hàng TMCP H1 (M2) chi nhánh T - Phòng G hạn mức 100.000.000đồng. Ngày 14/12/2022 anh M ký hợp đồng tín dụng với M2-chi nhánh T - Phòng G vay số tiền 175.000.000đồng về để tiêu dùng phục vụ đời sống. Thời hạn vay 12 tháng, lãi xuất thấu chi là lãi xuất thả nổi và được tính trên dư nợ gốc giảm dần 24%/năm, lãi xuất vay quá hạn bằng 150 % mức lãi xuất trong hạn kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Hình thức vay là tín chấp (không có tài sản đảm bảo). Cùng ngày 14/12/2022 giữa ngân hàng M2 và anh M chị H đã ký văn bản đồng thuận về việc vay vốn và cùng trả nợ cho ngân hàng, theo đó trường hợp anh M không trả được nợ cho MSB theo đúng thỏa thuận đã ký thì chị H cam kết có nghĩa vụ, trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho MSB theo đúng thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng đã ký giữa anh M với M2.*

Quá trình thực hiện hợp đồng anh M đã trả được 6.388.835 đồng tiền nợ gốc và đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với MSB kể từ ngày 04/01/2023 mặc dù M2 đã đơn đốc nhưng anh M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho M1 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 08/4/2025 anh M còn nợ MSB số tiền nợ gốc là 267.109.665đồng; nợ lãi trong hạn: 49.268.672 đồng; nợ lãi quá hạn: 194.903.342 đồng. Tổng là 511.281.679đồng.

MSB đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh M, chị H phải có nghĩa vụ trả nợ cho MSB số nợ gốc và nợ Lãi theo quy định cho đến khi thanh toán xong toàn bộ hợp đồng.

*Đối với bị đơn là anh Phạm Đăng M và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Trần Thị Thu H: Trong quá trình tố tụng Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh M, chị H lên Tòa án để giải quyết vụ kiện nhưng anh M, chị H vắng mặt trong quá trình tố tụng. Tòa án tiến hành lấy lời khai đối với anh M tại gia đình ngày 28/02/2025, anh Minh xác N khoản vay đối với MSB và đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với MSB. Anh Minh xác N khoản nợ gốc tổng là 267.109.665 đồng và nhận trách nhiệm trả nợ gốc và lãi cho MSB. Tòa án không lấy được lời khai của chị H, không tiến hành hòa giải được giữa các bên. Tại phiên tòa lần 1 và lần 2 anh M chị H vắng mặt không có lý do.*

*Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa:*

- *Về tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng

dân sự. Đối với bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa lần 1 và lần 2, như vậy bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Căn cứ vào các Điều 463, 468 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc anh M phải thực hiện toàn bộ các nghĩa vụ đối với Ngân hàng M2, trả toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng mà anh M đã ký kết với Ngân hàng tính đến ngày xét xử sơ thẩm tổng số tiền là 511.281.679 đồng. Gồm: tiền nợ gốc là 267.109.665 đồng; nợ lãi trong hạn: 49.268.672 đồng; nợ lãi quá hạn: 194.903.342 đồng. Đề nghị Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng nêu trên kể từ ngày 09/4/2025 cho đến ngày anh M thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, vì vậy trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN.**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về tố tụng:* Bị đơn có nơi cư trú tại thôn Đ, xã C, huyện Q, tỉnh Thái Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Áp dụng pháp luật giải quyết:* Hợp đồng cấp tín dụng giữa Ngân hàng M2 và anh Phạm Đăng M được ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, nên căn cứ vào các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

[3] *Về nội dung:*

- Về yêu cầu trả nợ gốc: Căn cứ vào lời khai nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn cung cấp thể hiện vào ngày 04/11/2022 anh Phạm Đăng M đã ký hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế với ngân hàng Thương mại cổ phần H1 (M2) số 01/2022 vay số tiền 100.000.000 (một trăm triệu đồng). Ngày 14/12/2022 anh M ký hợp đồng tín dụng với M2-chi nhánh T - Phòng G

hợp đồng tín dụng số 03151/HĐTD/2022 vay số tiền 175.000.000đồng về để tiêu dùng phục vụ đời sống. Thời hạn vay 12 tháng, lãi xuất thấu chi là lãi xuất thả nổi và được tính trên dư nợ gốc giảm dần 24%/năm, lãi xuất vay quá hạn bằng 150 % mức lãi xuất trong hạn kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Hình thức vay là tín chấp (*không có tài sản đảm bảo*).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, anh M thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và trả nợ lãi trong đó đã trả nợ gốc 6.388.835 đồng. Đến ngày 04/11/2023 anh M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng M2, vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký giữa hai bên. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc nhưng anh M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Như vậy, anh M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã thỏa thuận ký kết trước đó với Ngân hàng M2. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng M2 ra Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ yêu cầu anh M phải trả số tiền gốc còn nợ là 267.109.665 đồng là có căn cứ, cần chấp nhận là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về yêu cầu trả nợ lãi, lãi quá hạn (lãi chậm trả): Theo các Hợp đồng tín dụng trên, ngày 04/1/2023 anh M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy kể từ ngày 04/1/2023 khoản vay của anh M với Ngân hàng M2 đã tính lãi xuất quá hạn kể từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Nay phía Ngân hàng yêu cầu anh M phải trả tiền lãi, lãi chậm trả của khoản nợ gốc còn nợ nêu trên tính đến ngày xét xử sơ thẩm gồm 49.268.672 đồng lãi trong hạn và 194.903.342đồng lãi quá hạn là có căn cứ, cần chấp nhận. Anh M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cấp tín dụng, nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật kể từ ngày 09/4/2025 cho đến khi trả hết số tiền còn nợ Ngân hàng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] *Về cam kết nghĩa vụ trả nợ*: Tại văn bản đồng thuận trả nợ ngày 14/12/2022 giữa anh M chị H lập tại trụ sở MSB thể hiện trường hợp anh M không trả nợ được cho MSB đúng theo thỏa thuận đã ký kết thì chị H cam kết có nghĩa vụ trả nợ cho MSB theo đúng thỏa thuận tại các hợp đồng, khế ước nhận nợ, giấy nhận nợ, thỏa thuận, văn bản khác đã ký giữa anh M với M2. Vì vậy trường hợp anh M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ, thì chị H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay anh M cho đến khi thực hiện thực hiện hết nghĩa vụ trả nợ theo văn bản đồng thuận V/v vay vốn và cùng trả nợ ký ngày 14/2/2022.

[5] *Về án phí*: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp. Anh M phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 119,



Điều 463, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần H1 (M2).
2. Buộc anh Phạm Đăng M phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần H1 số tiền nợ gốc còn lại là: 267.109.665 đồng và số tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 08/4/2025 gồm: lãi trong hạn là 49.268.672 đồng; lãi quá hạn là 194.903.342 đồng. Tổng số tiền là: 511.281.679 đồng "*Năm trăm mười một triệu hai trăm tám mươi một ngàn sáu trăm bảy mươi chín đồng*"

Kể từ ngày 09/4/2025 anh M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cấp tín dụng, nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp anh M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ, thì chị Trần Thị Thu H (vợ anh M) phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay anh M cho đến khi thực hiện hết nghĩa vụ trả nợ theo văn bản đồng thuận vay vốn và cùng trả nợ ký ngày 14/12/2022.

**3. Về án phí :**

Anh Minh phải chịu 24.444.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại Ngân hàng M2 số tiền 10.000.000 đồng đã nộp tạm ứng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình theo biên lai thu số 0004967 ngày 11/12/2024.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thái Bình.
- VKSND tỉnh Thái Bình
- VKSND huyện Quỳnh Phụ.
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ.
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN MINH ĐỨC